

Số: 509 /BC-UBND

Ia Pa, ngày 28 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện 05 chỉ tiêu môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 và kế hoạch thực hiện năm 2021

Thực hiện Công văn số 4473/STNMT-CCBVMT ngày 02/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả thực hiện 05 chỉ tiêu môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 và kế hoạch năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa báo cáo như sau:

I. Kết quả thực hiện chương trình năm 2020

1. Công tác quản lý điều hành thực hiện nhiệm vụ

UBND huyện đã xác định ngay từ đầu năm nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, liên tục. UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo: công văn số 15/UBND – VP ngày 03/01/2020 của UBND huyện Về việc Đăng ký kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020, Kế hoạch 19/KH-UBND ngày 02/03/2020 của UBND huyện Về việc Kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2020, công văn 627/UBND-VP ngày 15/4/2020 về việc duy trì, nâng cao 19 tiêu chí tại xã đạt chuẩn nông thôn mới, công văn 931/UBND-VP ngày 12/6/2020 Về việc thực hiện tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới, công văn 1731/UBND-VP ngày 07/10/2020 Về việc Rà soát, báo cáo và khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ;

Năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các xã, các cơ quan đơn vị liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn; Tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 (*đến nay có 62 cơ quan, đơn vị, UBND các xã, trường học trên địa bàn huyện đăng ký cam kết thực hiện*); báo cáo tình hình thực hiện pháp luật về khí tượng thủy văn năm 2020 trên địa bàn huyện (*tổ chức treo 10 băng rôn, khẩu hiệu*); tham mưu UBND huyện xác nhận 10 dự án Kế hoạch bảo vệ môi trường; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Đại dương thế giới và “Tháng hành động vì môi trường”, hưởng ứng chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2020 (*đã trồng 1.200 cây xanh bóng mát; treo 56 băng rôn, khẩu hiệu*); kết quả tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới 22/3 với chủ đề “*Nước và biến đổi khí hậu*”, ngày Khí tượng thế giới 23/3

năm 2020 với chủ đề “**khí hậu và nước**” (*tổ chức treo 20 băng rôn, khẩu hiệu, 10 áp phích tuyên truyền*)..

UBND huyện xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2020, đồng thời tham mưu UBND huyện phê duyệt kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn; tổ chức kiểm tra công tác môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện nhằm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững vào dịp các sự kiện môi trường hàng năm; đã tham mưu cho UBND huyện tổ chức đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (cam kết, đề án bảo vệ môi trường) trên địa bàn; lũy kế từ trước đến nay là 113 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đăng ký.

- UBND huyện đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc các xã triển khai thực hiện các nội dung của tiêu chí số 17, đến nay đã có 02 xã Ia Tul, xã Ia Mron đã đạt tiêu chí về môi trường, 07 xã còn lại chưa đạt tiêu chí này.

2. Công tác truyền thông, đào tạo tập huấn

Năm 2020, UBND huyện đã tổ chức 01 đợt tập huấn công tác bảo vệ môi trường và có lòng ghép tiêu chí 17 về môi trường trong xây dựng nông thôn mới với chủ đề “**Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và Biến đổi khí hậu**”, với 113 đại biểu các xã, thôn làng trên địa bàn huyện. Xây dựng và phát sóng 48 tin, phóng sự về công tác bảo vệ môi trường.

Tổng kinh phí: 16.000.000 đồng

3. Kết quả triển khai thực hiện phong trào thi đua

UBND huyện đã xây dựng kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 20/10/2016 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Gia Lai chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Ia Pa. UBND huyện giao nhiệm vụ cho Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện thường xuyên tổ chức phát động bằng nhiều hình thức đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia. Qua đó, phong trào đã phát huy sức mạnh của toàn dân trong việc nâng cao nhận thức, góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của huyện. Trong năm 2020, huyện đã phát sóng 96 bản tin, bài về xây dựng nông thôn mới.

5. Kết quả thực hiện Chương trình

(Kết quả cụ thể các chỉ tiêu theo phụ lục kèm theo)

II. Tồn tại, hạn chế chủ yếu, nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế:

- UBND huyện đã chỉ đạo Phòng ban chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc các xã triển khai thực hiện các nội dung của tiêu chí số 17 nhưng đến nay chỉ có 02 xã Ia Tul, Ia Mron đạt tiêu chí này.

- Công tác báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường của một số xã chưa kịp thời, đầy đủ, báo cáo chưa có sự phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp thực hiện nên công tác tổng hợp, báo cáo đánh giá các tiêu chí về môi trường chưa được trọn vẹn.

- Nguồn lực đầu tư trực tiếp từ ngân sách Nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường hàng năm chưa nhiều, chưa đáp ứng với yêu cầu đầu tư phát triển của huyện. Nguồn lực của địa phương hỗ trợ để thực hiện chương trình còn nhiều khó khăn.

2. Nguyên nhân

- UBND các xã còn thiếu chủ động trong việc nghiên cứu tài liệu hướng dẫn, cũng như triển khai hoàn thiện các tài liệu minh chứng đối với từng nội dung tiêu chí, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

- UBND các xã chưa phát huy vai trò của hệ thống chính trị các thôn, làng là “*Cánh tay nối dài*” của cấp cơ sở đến với quần chúng nhân dân.

- Thói quen, phong tục, tập quán thả rông gia súc, gia cầm và nuôi nhốt dưới gầm nhà sàn trong đồng bào dân tộc thiểu số có giảm nhưng tỷ lệ còn thấp so với yêu cầu đề ra; sự thay đổi nhận thức về giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại rác thải tại các hộ gia đình, cá nhân còn chậm; phần lớn các hộ dân chưa có thói quen tự giác đăng ký thu gom rác thải sinh hoạt tập trung theo phương án, kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh của Nhà máy nước và Dịch vụ công huyện.

III. Kế hoạch thực hiện chương trình năm 2021

1. Mục tiêu kế hoạch

- Các xã đăng ký đạt 5 chỉ tiêu về môi trường: xã Ia Trôk, xã Chư Mô.
- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp tục kiểm tra, hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá các chỉ tiêu chưa đạt để có kế hoạch, giải pháp cụ thể đẩy nhanh việc thực hiện tiêu chí này.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục huy động nguồn lực thực hiện tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm.

- Sửa chữa, nâng cấp, làm mới các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung để đảm bảo phục vụ tốt đời sống của người dân.

- Tổ chức điều tra, đánh giá phân loại cơ sở sản xuất – kinh doanh, điểm, khu dân cư và các đoạn sông, suối về mức độ ô nhiễm, chọn địa điểm, vị trí xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác thải sinh hoạt và khu xử lý rác tập trung tại trung tâm xã. Thực hiện khảo sát, chọn vị trí quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện xây dựng bổ sung hoàn chỉnh công trình nhà vệ sinh trường học, chợ đối với những nơi còn thiếu chuẩn theo quy định. Tổ chức quy hoạch sắp xếp lại các làng nghề; đi đôi với hình thành các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để đảm bảo các điều kiện xử lý môi trường.

- Rà soát hệ thống thoát nước tại các điểm, khu dân cư, chợ, cơ sở và phân loại. Đồng thời thực hiện cải tạo đổi với các đoạn cống rãnh, mương thoát nước bị ô nhiễm về rác thải, nước tù đọng được lồng ghép vào các công trình hoạt động thanh niên BVMT hàng năm như “ngày Môi trường Thế giới 5/6”, “Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn”... Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động thu gom chất thải, nước thải trong khu dân cư, chợ, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định. Khuyến khích hiến đất để quy hoạch và xây dựng nghĩa trang phục vụ trong thôn, làng cho nhiều địa phương khác nhau và các nghĩa trang có sử dụng hình thức mai táng mới văn minh, hiện đại nhằm tiết kiệm đất, kinh phí xây dựng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Tuyên truyền, vận động các hộ dân thực hiện phát quang bụi rậm khu vực ở và các tuyến đường nội thôn, chỉnh trang hàng rào cổng ngõ, không để cổng ngõ bị lầy lội nhằm góp phần tạo vẻ mỹ quan, vẻ đẹp mới cho bộ mặt nông thôn. Ngoài ra vận động, huy động nhân dân người đồng bào dân tộc thiểu số di chuyển chuồng trại ra xa nhà ở theo quy định để đảm bảo vệ sinh môi trường. Tổ chức trồng cây xanh ở một số tuyến thôn, trồng cây bóng mát, câu phân tán ở một số vườn rẫy, bờ lô gần sát khu dân cư để đảm bảo không khí trong lành.

3. Giải pháp thực hiện

- Ủy ban nhân dân các xã huy động mọi nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia như vệ sinh nước sạch môi trường, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo... các chương trình dự án khác khác để đầu tư nâng cấp các công trình cấp nước, vệ sinh nhằm nâng cao tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

- Cấp ủy, chính quyền các xã phối hợp với các ban ngành đoàn thể, hệ thống chính trị tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân nâng cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức bảo vệ môi trường, làm đủ công trình vệ sinh, di dời chuồng trại ra khỏi nhà để có cảnh quan đẹp và hợp vệ sinh môi trường. Có kế hoạch thường xuyên tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh đường làng, ngõ xóm, làm mương thoát nước.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện và thẩm định các tiêu chuẩn 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.7.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể lộ trình, quy trình thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo hướng thống nhất chung trên toàn tỉnh, trong đó chú trọng thiết kế mẫu bể chứa, dự trù kinh phí, đơn vị quản lý, đặt hàng đơn vị tư vấn vận chuyển, xử lý loại chất thải nguy hại này theo hướng lâu dài, bền vững.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện 05 chỉ tiêu môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 và kế hoạch, mục tiêu, phương hướng năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường biết, tổng hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Quốc Tuấn

Nơi nhận:

- Sở TNMT tỉnh;
- L/đ UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- Phòng NNPTNT
- Lưu: VT, KT

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa)

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
Huyện Ia Pa						
Xã Pờ Tó	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công văn hướng dẫn số 2264/STNMT-CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường: 9/45 (20%)	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: Chưa có. - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: Xã chưa có phương án cụ thể, chỉ thực hiện theo phương án của huyện: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển: Nhà máy nước và Dịch vụ công huyện. + Chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển: 01 xe chở rác chuyên dụng; + Cách thức phân loại: Chưa có; + Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng hộ gia đình, cụm dân cư: 1 lần/tuần 	<ul style="list-style-type: none"> Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 720/1764 hộ chiếm tỷ lệ: 40,8% Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 637/1764 hộ chiếm tỷ lệ: 36,1% Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh/tổng số dân: 1375/1764 hộ chiếm tỷ lệ: 78% Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 656/1764 hộ chiếm tỷ lệ: 37,2% 	<ul style="list-style-type: none"> - Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về BVMT tại Văn bản số 2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 3/3 - Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật 	Xã chưa được công nhận NTM	

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
					hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn nuôi với UBND xã: 41/557 hộ (7,36%) - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 205/560 hộ (36,6%)	
Kết quả tự đánh giá xã Pò Tó	Không đạt	Không Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Xã chưa được công nhận NTM
Xã Chu Răng	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công văn hướng dẫn số 2264/STNMT-CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường: 36/42 (39,28%)	- Phương án/kế hoạch cụ thể hàng năm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn xã: Không; - Hướng ước bảo vệ môi trường của thôn,	- Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: Chưa có. - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: Xã chưa có phương án cụ thể, chỉ thực hiện theo phương án của	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 387/1094 hộ chiếm tỷ lệ: 35,4% Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 387/1094 hộ chiếm tỷ lệ: 35,4% Số hộ có bể chứa nước hợp vệ	- Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về BVMT tại Văn	Xã chưa được công nhận NTM

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
	quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng của thôn và tại hộ gia đình: Có (lồng ghép). - Số hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ: 607/1094 (55,48%)	huyện: + Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển: Nhà máy nước và Dịch vụ công huyện. + Chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển: 01 xe chở rác chuyên dụng + Cách thức phân loại: Chưa có; + Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng hộ gia đình, cụm dân cư: 1 lần/tuần	sinh/tổng số dân: 675/1094 hộ chiếm tỷ lệ: 61,7% Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 675/1094 hộ chiếm tỷ lệ: 61,7%	bản số 2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 1/1 - Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn nuôi với UBND xã: 100/673. - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 395/674 hộ (58,6%)		
Kết quả tự đánh giá xã Chu Răng	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Xã chưa được công nhận

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
Xã Kim Tân	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công văn hướng dẫn số 2264/STNMT-CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường: 3/34 (8,8%)	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: Chưa có. - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: Xã chưa có phương án cụ thể, chỉ thực hiện theo phương án của huyện: + Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển: Nhà máy nước và Dịch vụ công huyện. + Chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển: 01 xe chở rác chuyên dụng + Cách thức phân loại: Chưa có; + Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng hộ gia đình, cụm dân cư: 1 lần/tuần 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: Chưa có. - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: Xã chưa có phương án cụ thể, chỉ thực hiện theo phương án của huyện: + Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển: Nhà máy nước và Dịch vụ công huyện. + Chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển: 01 xe chở rác chuyên dụng + Cách thức phân loại: Chưa có; + Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng hộ gia đình, cụm dân cư: 1 lần/tuần 	<p>Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 763/1369 hộ chiếm tỷ lệ: 55,7%</p> <p>Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 763/1369 hộ chiếm tỷ lệ: 55,7%</p> <p>Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh/tổng số dân: 763/1369 hộ chiếm tỷ lệ: 55,7%</p> <p>Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 510/1369 hộ chiếm tỷ lệ: 55,7%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về BVMT tại Văn bản số 2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 0 - Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn 	NTM Xã chưa được công nhận NTM

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
					nuôi với UBND xã: 95/331 (28,7%) - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 228/311(73,3%)	
Kết quả tự đánh giá xã Kim Tân	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Xã chưa được công nhận NTM
Xã Ia Mron	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công văn hướng dẫn số 2264/STNMT-CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường: 184/184 (100%)	- Phương án/kế hoạch cụ thể hàng năm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn xã: Có; - Hướng ước bảo vệ môi trường của thôn, quy định giữ gìn vệ	- Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: có, xây dựng 300 bể chứa bao gói thuốc BVTV - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: có	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 2252/2858 hộ chiếm tỷ lệ: 78,8% Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 2252/2858 hộ chiếm tỷ lệ: 78,8%	Số hộ có bể chứa	- Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về BVMT tại Văn bản số

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
		<p>sinh môi trường nơi công cộng của thôn và tại hộ gia đình: Có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ: 2014/2858 hộ (70,46%) 		<p>nước hợp vệ sinh/tổng số dân: 2259/2858 hộ chiếm tỷ lệ: 79%</p> <p>Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 2252/2858 hộ chiếm tỷ lệ: 78,8%</p>	<p>2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 0</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn nuôi với UBND xã: 996/996 hộ (100%) - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 860/996 hộ (86,35%) 	
Kết quả tự đánh giá xã Ia Mron	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Xã chưa được công nhận

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
Xã Ia Trok	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công văn hướng dẫn số 2264/STNMT-CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường: 70/70 (100%)	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án/kế hoạch cụ thể hàng năm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn xã: Có; - Hướng ước bảo vệ môi trường của thôn, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng của thôn và tại hộ gia đình: Có. - Số hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ: 1558/2169 hộ (71,8%) 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: Chưa có. - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: Xã chưa có phương án cụ thể, chỉ thực hiện theo phương án của huyện: + Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển: Nhà máy nước và Dịch vụ công huyện. + Chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển: 01 xe chở rác chuyên dụng + Cách thức phân loại: Chưa có; + Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng hộ gia đình, cụm dân cư: 1 lần/tuần 	<p>Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 1695/2150 hộ chiếm tỷ lệ: 78,8%</p> <p>Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 1695/2150 hộ chiếm tỷ lệ: 78,8%</p> <p>Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh/tổng số dân: 1794/2150 hộ chiếm tỷ lệ: 83,44%</p> <p>Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 2000/2150 hộ chiếm tỷ lệ: 93%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về BVMT tại Văn bản số 2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 0 - Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn 	NTM Xã chưa được công nhận NTM

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú	
					nuôi với UBND xã: 124/832. - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 650/832 (78,1%).		
Kết quả tự đánh giá xã Ia Trok	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Xã chưa được công nhận NTM	
Xã Ia Broăi	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công văn hướng dẫn số 2264/STNMT-.0CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường: 2/26 (7,7%)	- Phương án/kế hoạch cụ thể hàng năm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn xã: không; - Hướng ước bảo vệ môi trường của thôn, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng của thôn và tại hộ gia đình: Có (lòng ghép).	- Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, yêu cầu rõ: vị trí, số lượng, kích thước bể, khu vực lưu trữ: Chưa có; - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: Chưa có;	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 85/871 hộ chiếm tỷ lệ: 9,76% Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 85/871 hộ chiếm tỷ lệ: 9,76%	Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh/tổng số dân: 85/871 hộ chiếm tỷ lệ: 9,76%	- Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về BVMT tại Văn bản số 2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 0	Xã chưa được công nhận NTM

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
		- Số hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào công ngõ: 391/871 hộ (44,89%)		Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 85/871 hộ chiếm tỷ lệ: 9,76%	- Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn nuôi với UBND xã: 83/625. - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 83/625 (13,3%).	
Kết quả tự đánh giá xã Ia Broăi	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Xã chưa được công nhận NTM
Xã Ia Tul	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công	- Phương án/kế hoạch cụ thể hàng năm tổ chức thực hiện việc xây dựng	- Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, yêu cầu nêu rõ: vị trí, số lượng, kích	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 683/705 hộ chiếm tỷ lệ: 96,9%	- Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc	Xã được công nhận NTM năm 2019

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
	văn hướng dẫn số 2264/STNMT-CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường: 36/36 (100%)	cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn xã: Có; - Hướng ước bảo vệ môi trường của thôn, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng của thôn và tại hộ gia đình: Có (lòng ghép). - Số hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ: 506/705 hộ (71,77%)	thuộc bể, khu vực lưu chứa: có; 100 bể chứa bao gói thuộc BVTV - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: có;	Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 637/705 hộ chiếm tỷ lệ: 90% Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh/tổng số dân: 641/705 hộ chiếm tỷ lệ: 90,9%	Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 627/705 hộ chiếm tỷ lệ: 88,94% từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về BVMT tại Văn bản số 2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 0 - Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn nuôi với UBND xã: 432/432 (100%). - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ	

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
					sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 327/432 (75,6%).	
Kết quả tự đánh giá xã Ia Tul	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Xã được công nhận NTM năm 2019
Xã Chư Mô	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công văn hướng dẫn số 2264/STNMT-CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường: 03/149 (100%)	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án/kế hoạch cụ thể hàng năm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn xã: có; - Hướng ước bảo vệ môi trường của thôn, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường noi công cộng của thôn và tại hộ gia đình: Có (lòng ghép). - Số hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ: 1022/1433 hộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuộc BVTV sau sử dụng, yêu cầu nêu rõ: vị trí, số lượng, kích thước bể, khu vực lưu chứa: Chưa có; - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của huyện: Chưa có; 	<p>Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 987/1433 hộ chiếm tỷ lệ: 68,87%</p> <p>Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 987/1433 hộ chiếm tỷ lệ: 68,87%</p> <p>Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh/tổng số dân: 987/1433 hộ chiếm tỷ lệ: 68,87%</p> <p>Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 987/1433 hộ chiếm tỷ lệ: 68,87%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về BVMT tại Văn bản số 2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 0 - Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 	Xã chưa được công nhận NTM

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
		(71,35%)			100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn nuôi với UBND xã: 0/660 - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 445/660 (67,42%)	
Kết quả tự đánh giá xã Chu Mô	Không Đạt	Đạt	Không đạt	Không Đạt	Không đạt	Xã chưa được công nhận NTM
Xã Ia Kdăm	- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đầy đủ thủ tục môi trường theo công văn hướng dẫn số 2264/STNMT- CCBVMT ngày 14/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi	- Phương án/kế hoạch cụ thể hàng năm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn xã: Không;	- Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, yêu cầu nêu rõ: vị trí, số lượng, kích thước bể, khu vực lưu trữ: Chưa có; - Phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh/tổng số dân: 608/880 hộ chiếm tỷ lệ: 69,1% Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh/tổng số dân: 60/880 hộ chiếm tỷ lệ: 6,82%	- Số cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 100 đầu gia súc hoặc từ 5000 đầu gia cầm hoặc từ 05 động vật hoang dã trở lên đã thực hiện đầy đủ các	Xã chưa được công nhận NTM

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
	trường: 04/27 (70,4%)	<ul style="list-style-type: none"> - Hương ước bảo vệ môi trường của thôn, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng của thôn và tại hộ gia đình: Có (lồng ghép). - Số hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ: 238/934 hộ (27,01%) 	hoạt động khu xử lý chất thải rắn của huyện: Chưa có;	<p>Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh/tổng số dân: 60/880 hộ chiếm tỷ lệ: 6,82%</p> <p>Số hộ dân đảm bảo 3 sạch/tổng số dân: 241/880 hộ chiếm tỷ lệ: 27,4%</p>	<p>nội dung quy định về BVMT tại Văn bản số 2620/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường: 0</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại dưới 100 đầu gia súc hoặc dưới 5000 đầu gia cầm hoặc dưới 05 động vật hoang dã ký cam kết BVMT trong hoạt động chăn nuôi với UBND xã: 238/514 hộ (46,3%). - Số hộ có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường/tổng số hộ chăn nuôi: 238/514 hộ (46,3%). 	

Tên xã	Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Ghi chú
Kết quả tự đánh giá xã Ia Kdăm	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Xã chưa được công nhận NTM

Phụ lục II
BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 CẤP HUYỆN
HUYỆN IA PA
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/20120 của UBND huyện Ia Pa)

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Dữ liệu gốc (cuối 2015)	Hàng năm					Mục tiêu đến năm 2020	tần suất báo cáo	Công cụ thu thập thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo
				2016	2017	2018	2019	2020				
I	CÁC CHỈ SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH											
	1	Tỷ lệ số xã đạt chỉ tiêu số 17.3 thuộc tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm)	%	0%	0	0	0	11%	22,2%	22,2%	12 tháng	Báo cáo, theo dõi, đánh giá
	2	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh	%				27,9	30,7	46,5	47	12 tháng	Báo cáo, theo dõi, đánh giá
	3	Tỷ lệ hộ có đủ nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	17%	27%	26,7	27,9	30,7	45	47	6 tháng	Báo cáo, theo dõi, đánh giá
	4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định bảo vệ môi trường	%			22,2	22,3	22,4	22,4	22,4	6 tháng	Báo cáo, theo dõi, đánh giá

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Đữ liệu gốc (cuối 2015)	Hàng năm					Mục tiêu đến năm 2020	tần suất báo cáo	Công cụ thu thập thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo
				2016	2017	2018	2019	2020				
8	Vệ sinh, môi trường nông thôn	5	Tỷ lệ xã đạt chỉ tiêu về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	%		0	0	44,5	45	45,5	6 tháng	Báo cáo, theo dõi, đánh giá
		6	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%		16,6	17,62	25	37	45	12 tháng	Báo cáo, theo dõi, đánh giá